

Số: **09** /2018/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày **28** tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua Chương trình việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về quy định đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông được vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ các văn bản hiện hành của Tổng Giám đốc ngân hàng Chính sách xã hội về hướng dẫn thực hiện cơ chế, quy trình, thủ tục cho vay của các chương trình tín dụng;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 44/TTr-STC,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và thay thế Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Chánh văn phòng UBND tỉnh Đắk Nông, Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư Pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Chi cục VT-LT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã (do các huyện sao gửi);
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn
Nguyễn Bốn

28

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa
phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã
hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09 /2018/QĐ-UBND
ngày 28 /3/2018 của Ủy ban nhân tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác qua NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh:

a) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (phòng Lao động – Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện);

b) Sở Tài chính (phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện);

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã;

d) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

đ) Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Nông, Phòng giao dịch NHCSXH hội các huyện, thị xã;

e) Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác;

f) Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn;

g) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và những hộ gia đình, các cá nhân gặp rủi ro do các nguyên nhân: Tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh dẫn đến khó khăn về tài chính.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách ủy thác qua NHCSXH

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 01/08/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giải thể Quỹ giải quyết việc làm tỉnh Đắk Nông.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điểm 1, Điều 6 quy định này.

4. Bổ sung từ Quỹ dự phòng rủi ro quy định tại Điểm 5, Điều 7 Quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH các cấp

1. Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện, thị xã: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã (sau đây viết tắt là cấp huyện) ủy quyền cho Phòng Tài chính - Kế hoạch ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH các huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách

Hàng năm, địa phương bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay tương ứng hiện hành của NHCSXH.

2. Những hộ gia đình, các cá nhân gặp rủi ro do các nguyên nhân: Tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh dẫn đến khó khăn về tài chính theo quy định tại Điều 1, Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

a) Điều kiện vay vốn: Là những hộ gia đình, các cá nhân gặp rủi ro do các nguyên nhân: Tai nạn, bệnh tật, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh dẫn đến khó khăn về tài chính.

b) Chương trình cho vay:

- Cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh;
- Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường;
- Cho vay về nhà ở.

c) Quy trình thủ tục cho vay:

- Cho vay hộ gia đình sản xuất, kinh doanh áp dụng thủ tục, quy trình và sản phẩm cho vay theo quy định của NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn theo Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường áp dụng thủ tục, quy trình và sản phẩm cho vay theo quy định của NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

- Cho vay về nhà ở áp dụng thủ tục, quy trình và sản phẩm cho vay theo quy định của NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với hộ nghèo làm nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, mức cho vay tối đa, mục đích sử dụng vốn, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý rủi ro: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Khi Thủ tướng Chính phủ thay đổi mức cho vay tối đa lãi suất cho vay NHCSXH thực hiện theo mức cho vay tối đa mới, lãi suất cho vay mới.

3. Đối với cho vay đối tượng chính sách theo quy định đặc thù của địa phương được quy định tại Điểm c, Mục 1, Khoản II Nội dung hoạt động của Chương trình việc làm tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. Cụ thể đối tượng áp dụng là người lao động là thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, hộ có kinh tế khó khăn (có xác nhận của địa phương) được vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

a) Mức cho vay tối đa:

Vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài mức cho vay tối đa là bằng 100% chi phí hợp lệ, hợp pháp được ghi trong Hợp đồng đưa đi làm việc ở nước ngoài nhưng không vượt quá trần chi phí của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Năm 2016 áp dụng tại văn bản số 3990/LĐTĐBXH-QLLĐNN ngày 16/10/2013).

- Trường hợp mức cho vay trên 50 triệu đồng/lao động thì người vay phải có tài sản đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật và hướng dẫn thực hiện đảm bảo tiền vay của NHCSXH.

b) Lãi suất cho vay: Áp dụng theo mức lãi suất chương trình cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ theo từng thời kỳ (hiện tại mức lãi suất cho vay là 0,55%/tháng, tương đương 6,6%/năm).

- Lãi suất nợ quá hạn: Bằng (=) 130% so với lãi suất trong hạn.

- Khi Thủ tướng Chính phủ thay đổi lãi suất, NHCSXH thực hiện theo mức lãi suất cho vay mới.

c) Quy trình, thủ tục cho vay:

Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, hộ có kinh tế khó khăn vay vốn để đi lao động có thời hạn ở nước ngoài: Áp dụng thủ tục, quy trình và sản phẩm cho vay theo quy định của NHCSXH về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ.

d) Thời hạn cho vay, quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của NHCSXH.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài Chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, thị xã với mức 0,45%/tháng trên dư nợ bình quân, chi cho các nội dung sau:

- Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn; chi trả phí ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác (với mức tối đa là 0,125%/tháng tính trên số dư nợ có thu được lãi);

- Chi phí các hoạt động quản lý của NHCSXH;

Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH, đề nghị NHCSXH, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã xem xét, xử lý.

c) Trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Cụ thể như sau:

- Đối với số lãi thu được từ cho vay nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

+ Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh;

+ Trích 5% số tiền lãi thu được trong đó: Trích cho Sở Tài chính là 2,5% và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 2,5% trong công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát.

- Đối với số lãi thu được từ cho vay nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác, Phòng giao dịch NHCSXH huyện trích 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

+ Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH huyện;

+ Trích 5% số tiền lãi thu được trong đó: Trích cho Phòng Tài chính - Kế hoạch là 2,5% và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là 2,5% trong công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát.

d) Sau khi trừ các khoản chi phí và trích theo tỷ lệ % nêu trên, số tiền lãi thực thu còn lại (nếu có) được bổ sung nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi:

a) Đối với phí quản lý nguồn vốn ủy thác: Chi nhánh NHCSXH, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện thực hiện các nội dung chi, mức chi, quản lý và quyết toán theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của NHCSXH.

b) Đối với nội dung chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 6 của Quy chế này.

- Nội dung và mức chi:

+ Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành quy định các mức chi về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Chi đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

+ Chi công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo Nghị quyết số

34/2014/NQ-HĐND ngày 18/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

+ Chi mua sắm trang thiết bị, dụng cụ văn phòng phục vụ công tác cho vay từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác qua NHCSXH: Thực hiện theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Chi cho công tác khảo sát, điều tra, đánh giá và kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua NHCSXH cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này: Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia;

+ Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay, chủ dự án, người vay vốn sử dụng vốn vay hiệu quả: Thực hiện theo Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/5/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

+ Chi hỗ trợ văn phòng phẩm, in tài liệu và một số khoản chi để triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay: Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, hợp lệ theo đúng quy định;

+ Các khoản chi khác (nếu có): Phải có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã và thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

3. Đối với khoản lãi hình thành do chênh lệch giữa số dư nguồn vốn và số dư nợ cho vay gửi tại các tổ chức tín dụng, Chi nhánh NHCSXH tỉnh mở và hàng tháng hạch toán vào tài khoản riêng, đến ngày 31/12 tự hạch toán bổ sung vào nguồn vốn của Quỹ theo quy định.

Điều 7. Xử lý rủi ro tín dụng

1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro: Các trường hợp bị rủi ro do nguyên nhân khách quan vay vốn từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản khách hàng, nguyên tắc xử lý nợ, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác ngoài quy định nêu trên, NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã

phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện), Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã xem xét, quyết định đảm bảo đúng quy định.

3. Thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro:

a) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy Ban nhân dân tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh) trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện) trên cơ sở đề xuất của Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, sau khi có ý kiến thẩm định của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

4. Nguồn vốn xử lý nợ bị rủi ro:

a) Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập và bù đắp theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập không đủ thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh, huyện, thị xã chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện) tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh, huyện đã chuyển qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

Điều 8. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo

1. Hạch toán, theo dõi cho vay:

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được theo dõi hạch, toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng giám đốc NHCSXH.

2. Chế độ báo cáo:

- Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh, thị xã Gia Nghĩa ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác;

- Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã. Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm chung của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính đối với cấp tỉnh (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện:

a) Hàng năm trên cơ sở dự toán của NHCSXH, xem xét cân đối và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã trình Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị xã bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, thị xã ủy thác NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn đảm bảo kịp thời;

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương và những trường hợp rủi ro ngoài quy định theo Khoản 1, Điều 7 Quy chế này;

c) Thực hiện kiểm tra kết quả tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Chi nhánh NHCSXH và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 6 Quy chế này.

e) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 6 Quy chế này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối với cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã:

a) Hàng năm theo dõi, quản lý và kiểm tra, giám sát nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác NHCSXH cho vay và tổng hợp, định kỳ quý, 6 tháng và năm báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về Chương trình việc làm bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Các tổ chức Chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

4. Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Nông, Phòng giao dịch NHCSXH huyện:

a) Hàng năm định kỳ tháng 7 lập Kế hoạch nguồn vốn để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và các chi phí có liên quan gửi Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với cấp huyện) tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang Chi nhánh NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thanh kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện (đồng gửi Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) về kết quả quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua NHCSXH, số tiền lãi thực thu tại thời điểm báo cáo (báo cáo quý trước ngày 20 của tháng đầu quý tiếp theo, báo cáo quyết toán hàng năm về nguồn vốn ủy thác trước ngày 31/01 của năm sau).

e) Đối với kinh phí Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp được hưởng trong năm: Kết thúc năm, NHCSXH các cấp báo cáo, tổng hợp quyết toán số kinh phí đã sử dụng trong năm gửi cơ quan Tài chính cùng cấp trước ngày 30/01 năm sau.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

6. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức Chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn. Có ý kiến về đề nghị, xử lý nợ rủi ro của người vay.

c) Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia Tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi...

7. Trách nhiệm của người vay:

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
- c) Hoàn trả gốc lãi đúng quy định.
- d) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các đơn vị có liên quan.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh Xã hội và Chi nhánh NHCSXH tỉnh để phối hợp nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Khi các văn bản pháp luật nêu tại Điều 5, Điều 6 của Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng thực hiện theo các quy định đã sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hiện hành. Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Bốn